

CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 608/LCH-NVDTPC
V/v một số điểm mới về chính
sách thuế TNDN và hướng dẫn
quyết toán thuế TNDN năm 2025

Lai Châu, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Kính gửi: Các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Nhằm bảo đảm công tác kê khai, quyết toán thu nhập doanh nghiệp (TNDN) năm 2025 đúng quy định và kịp thời; đồng thời tạo thuận lợi trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, nâng cao hiệu quả và chất lượng phục vụ người nộp thuế, Thuế tỉnh Lai Châu hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp một số điểm mới về chính sách thuế TNDN và hướng dẫn quyết toán thuế TNDN năm 2025 như sau:

I. Một số điểm mới về chính sách thuế TNDN được áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2025.

1. Văn bản quy phạm pháp luật mới về thuế TNDN và hiệu lực thi hành

1.1. Luật thuế TNDN số 67/2025/QH15 ngày 14/06/2025 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2025, áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2025.

1.2. Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/12/2025, áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2025.

+ Doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng quy định về doanh thu, chi phí, ưu đãi thuế, miễn thuế, giảm thuế, chuyển lỗ tại Nghị định 320/2025/NĐ-CP từ đầu kỳ tính thuế năm 2025 hoặc từ ngày Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực hoặc từ ngày Nghị định 320/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành; trường hợp kỳ tính thuế năm 2025 của doanh nghiệp bắt đầu sau ngày Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực thì áp dụng từ ngày Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực hoặc từ ngày Nghị định 320/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

+ Quy định về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt tại Điểm c Khoản 1 Điều 9 và quy định về chuyển nhượng vốn tại Điểm i Khoản 3 Điều 12 của Nghị định 320/2025/NĐ-CP áp dụng từ ngày Nghị định 320/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

1.3. Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12/03/2026 của Bộ Tài chính, có hiệu lực thi hành từ ngày 12/03/2026, áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2025.

+ Đối với các khoản chi được trừ khi tính thuế TNDN phát sinh trước ngày 12/03/2026 đã quy định cụ thể về điều kiện, hồ sơ tại Thông tư số 96/2015/TTBTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính thì thực hiện theo Thông tư 96/2015/TTBTC cho kỳ tính thuế năm 2025.

+ Đối với các khoản chi được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều 3 Thông tư 20/2026/TT-BTC mà chưa được quy định cụ thể tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC thì thành phần hồ sơ áp dụng cho kỳ tính thuế năm

2025 là hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật (trong đó đối với chi phí khấu hao hoặc phân bổ dần vào chi phí đối với tài sản cho thuê trong thời gian chưa có khách thuê thì phải có hồ sơ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp đối với tài sản).

+ Trường hợp hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ đang áp dụng theo phương pháp hỗn hợp quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam được ký kết trước ngày Thông tư 20/2026/TT-BTC có hiệu lực thì việc xác định nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp tiếp tục thực hiện như quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm ký kết hợp đồng.

2. Một số điểm mới của chính sách thuế TNDN

2.1. Bổ sung quy định thu nhập chịu thuế theo quy định tại Điều 3 Luật số 67/2025/QH15 và Điều 3 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP:

- Thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam của doanh nghiệp nước ngoài và khoản thu nhập ở nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam.

- Thu nhập nhận được theo hình thức quà tặng dưới dạng dịch vụ, hàng hóa không phải thanh toán; thu nhập nhận được bằng quà tặng dưới dạng dịch vụ từ các nguồn tài trợ được xác định là khoản thu nhập khác, kê khai nộp thuế TNDN theo quy định.

- Doanh nghiệp phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR) theo quy định tại Nghị quyết 107/2023/QH15. - Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn, chuyển nhượng chứng khoán: không bao gồm khoản thu liên quan trực tiếp đến việc tăng, giảm vốn CSH của doanh nghiệp.

- Làm rõ chuyển nhượng vốn bao gồm cả chuyển nhượng trực tiếp hoặc gián tiếp.

2.2. Thu nhập từ chuyển nhượng vốn và chuyển nhượng chứng khoán theo Điều 13, 14 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP

- Thu nhập từ chuyển nhượng vốn:

+ Bao gồm: chuyển nhượng cổ phần của công ty không phải là công ty đại chúng, chuyển nhượng cổ phần của tổ chức không phải là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Thời điểm xác định thu nhập từ chuyển nhượng vốn là thời điểm chuyển quyền sở hữu vốn.

+ Doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng vốn cho tổ chức, cá nhân có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Trường hợp việc chuyển nhượng vốn không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì cơ quan thuế có quyền ấn định giá chuyển nhượng.

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

+ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán của doanh nghiệp là thu nhập có được từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

+ Quỹ đầu tư chứng khoán (trừ công ty đầu tư chứng khoán) không thuộc đối tượng nộp thuế TNDN.

+ Giao Công ty quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của tổ chức đầu tư (không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hay tổ chức đầu tư nước ngoài) khi Quỹ đầu tư chứng khoán chia lợi tức cho nhà đầu tư theo thuế suất 20%.

Lợi tức chịu thuế quy định tại khoản này không bao gồm phần lợi tức thuộc diện được miễn thuế hoặc đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

2.3. Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP:

- Thu nhập từ hoạt động cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản theo pháp luật về đất đai không phân biệt có hay không có kết cấu hạ tầng, công trình kiến trúc gắn liền với đất.

Như vậy, không bao gồm trường hợp doanh nghiệp có hoạt động cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng, công trình kiến trúc trên đất nhưng không có quyền cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất theo pháp luật về đất đai.

- Thu nhập từ chuyển nhượng, cho thuê bất động sản của Quỹ đầu tư bất động sản theo quy định của pháp luật.

2.4. Quy định chi tiết về thu nhập miễn thuế theo quy định tại Điều 4 Luật số 67/2025/QH15 và Điều 4 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP:

- Luật số 67/2025/QH15 bổ sung một số khoản thu nhập được miễn thuế để góp phần thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển các ngành, nghề ưu tiên, gồm:

+ Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, ...

+ Khoản tài trợ nhận được từ doanh nghiệp không có mối quan hệ liên kết.

+ Thu nhập của đơn vị sự nghiệp công lập từ cung cấp dịch vụ sự nghiệp.

+ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải, chuyển nhượng tín chỉ các-bon lần đầu sau khi phát hành của doanh nghiệp được cấp chứng chỉ giảm phát thải, tín chỉ các-bon; thu nhập từ tiền lãi trái phiếu xanh; thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu xanh lần đầu sau khi phát hành.

+ Khoản hỗ trợ trực tiếp từ NSNN và từ Quỹ hỗ trợ đầu tư do Chính phủ thành lập; khoản bồi thường của Nhà nước theo quy định của pháp luật công.

+ Khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản để cổ phần hóa, sắp xếp lại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

+ Sửa đổi, bổ sung phần thu nhập không chia của cơ sở thực hiện xã hội hóa được miễn thuế quy định tại khoản này phải đáp ứng tỷ lệ phần thu nhập không chia trên thu nhập tính thuế tối thiểu là 25%.

- Nghị định 320/2025/NĐ-CP quy định chi tiết về:

+ Sản phẩm tươi sống và được đông lạnh đạt độ âm từ 18 độ C trở lên (lạnh hơn), sản phẩm chế biến từ sản phẩm tươi sống thành sản phẩm chín, ...

+ Thu nhập trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, diêm nghiệp của doanh nghiệp và hợp tác xã.

+ Khoản bồi thường của Nhà nước xác định theo pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và khoản bồi thường của Nhà nước theo quy định của pháp luật khác.

+ Dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, dịch vụ sự nghiệp công mà Nhà nước phải hỗ trợ, đảm bảo kinh phí hoạt động do chưa tính đủ chi phí.

+ Quy định rõ phần thu nhập không chia của cơ sở thực hiện xã hội hóa

2.5. Sửa đổi, bổ sung về thu nhập tính thuế theo quy định tại Điều 7 Luật số 67/2025/QH15 và Điều 6 Nghị định 320/2025/NĐ-CP

- Sửa đổi, bổ sung đối với trường hợp doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh bị lỗ thì được bù trừ số lỗ vào thu nhập chịu thuế của các hoạt động SXKD có thu nhập do doanh nghiệp tự lựa chọn.

- Trường hợp doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư bị lỗ thì không bù trừ với thu nhập chịu thuế của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế có thu nhập.

2.6. Quy định cụ thể về phương pháp tính thuế theo quy định tại Điều 11 Luật số 67/2025/QH15 và Điều 12 Nghị định 320/2025/NĐ-CP

- Quy định cụ thể về phương pháp tính thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu đối với các đối tượng:

+ Doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú phát sinh thu nhập tại Việt Nam.

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

+ Doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng hạch toán được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Quy định tỷ lệ thu thuế đối với Doanh nghiệp nước ngoài (có hoặc không có cơ sở thường trú) phát sinh thu nhập tại Việt Nam, trong đó bổ sung tỷ lệ thu 2% đối với hoạt động chuyển nhượng vốn (không bao gồm giao dịch tái cơ cấu nội bộ).

- Bổ sung không áp dụng thuế nhà thầu đối với trường hợp cụ thể.

2.7. Bổ sung khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định tại Điều 9 Luật số 67/2025/QH15 và Điều 9, 10 Nghị định 320/2025/NĐ-CP:

- Các khoản chi được trừ:
 - + Khoản chi bổ sung được trừ theo tỷ lệ phần trăm tính trên chi phí thực tế phát sinh trong kỳ tính thuế liên quan đến hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp. Tối đa không quá 200% tính trên chi phí thực tế cho hoạt động nghiên cứu và phát triển.
 - + Khoản tài trợ cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số cho các tổ chức, cá nhân.
 - + Khoản chi cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Việc xác định khoản chi được trừ cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phải đảm bảo sau khi áp dụng mức chi bổ sung, doanh nghiệp không bị lỗ.
 - + Khoản chi thực tế cho người được biệt phái tham gia quản trị, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.
 - + Mọi giao dịch có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt (mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản thanh toán khác). Trong đó chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt tham chiếu theo văn bản về GTGT.
- Các khoản chi không được trừ: Bổ sung và sửa đổi, bổ sung một số khoản chi phí không được trừ.
 - + Phần chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng vượt mức theo quy định của Bộ luật Dân sự.
 - + Chi trả lãi tiền vay của doanh nghiệp có giao dịch liên kết.
 - + Phần thuế GTGT nộp theo phương pháp khấu trừ.
 - + Khoản chi không đáp ứng điều kiện chi, nội dung chi theo quy định của pháp luật chuyên ngành.
 - + Khoản tiền phạt về vi phạm hành chính.
 - + Nâng mức để đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật Bảo hiểm xã hội hoặc quỹ có tính chất an sinh xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động từ 03 lên 05 triệu đồng/tháng/người.
 - + Về khấu hao: làm rõ tài sản phục vụ người lao động làm việc tại DN (bổ sung các nội dung để đảm bảo khuyến khích DN đầu tư TSCĐ phúc lợi phục vụ người lao động thì được tính vào chi phí được trừ); khấu hao của TSCĐ đã khấu hao hết (trừ TSCĐ được cơ quan nhà nước cho phép đánh giá lại); sửa đổi từ ngữ để phù hợp thực tế phát sinh.
 - + Khoản trích trước về sửa chữa lớn về TSCĐ theo quy định của pháp luật về kế toán.

+ Các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng cho người lao động, cụ thể cho trường hợp người nước ngoài được điều chuyển hoặc di chuyển trong nội bộ Tập đoàn, giữa công ty mẹ với công ty con.

+ Tiền lương, tiền công của chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do một cá nhân làm chủ.

+ Chi trả trợ cấp thôi việc, chi bồi thường, trợ cấp cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động không theo đúng quy định.

+ Chi trả lãi tiền vay tương ứng với vốn điều lệ đã đăng ký còn thiếu theo tiến độ góp vốn ghi trong điều lệ của doanh nghiệp nhưng tiến độ góp vốn tối đa không được vượt quá thời hạn góp vốn theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

+ Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vượt mức tiền khai thác khoáng sản phải nộp hàng năm theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

+ Chi phí trả lãi tiền vay của các hợp đồng BT, BOT, BTO.

+ Khoản chi không đáp ứng điều kiện chi, nội dung chi theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2.8. Thay đổi mức thuế suất theo quy định tại Điều 10 Luật số 67/2025/QH15 và Điều 11 Nghị định 320/2025/NĐ-CP

- Thuế suất 15% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng.

+ Thuế suất 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng.

+ Thuế suất 15% và 17% không áp dụng đối với doanh nghiệp là công ty con hoặc công ty có quan hệ liên kết mà doanh nghiệp trong quan hệ liên kết không phải là doanh nghiệp đáp ứng điều kiện áp dụng thuế suất 15%, 17%.

Tổng doanh thu là tổng doanh thu từ hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ (không bao gồm các khoản giảm trừ doanh thu), doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập khác trên Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh kèm theo tờ khai quyết toán thuế TNDN của kỳ tính thuế năm trước liền kề.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về khung thuế suất đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí, về mức thuế suất đối với hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên quý hiếm.

2.9. Bổ sung quy định về ưu đãi thuế TNDN theo quy định tại Điều 12 đến Điều 18 Luật số 67/2025/QH15

- Nguyên tắc áp dụng:

+ Trường hợp luật khác có quy định về ưu đãi thuế TNDN khác với quy định của Luật Thuế TNDN thì thực hiện theo quy định của Luật Thuế TNDN, trừ Luật Thủ đô và các nghị quyết quy định cơ chế, chính sách đặc biệt, đặc thù của Quốc hội.

+ Trường hợp trong cùng một thời gian, doanh nghiệp đáp ứng nhiều mức ưu đãi thuế khác nhau theo quy định của Luật này đối với cùng một khoản thu nhập thì được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi thuế có lợi nhất.

- Đối tượng ưu đãi thuế TNDN:

- + Bổ sung chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với một số ngành nghề.
- + Bổ sung thu nhập từ hoạt động báo chí khác (ngoài báo in).
- + Lược bỏ ưu đãi đối với các ngành, nghề có tính trùng lặp, dàn trải, không có tiêu chí xác định rõ ràng, không phù hợp với pháp luật chuyên ngành.
- + Không áp dụng ưu đãi riêng đối với dự án đầu tư tại khu công nghiệp.
- + Sửa đổi, bổ sung mức ưu đãi của dự án đầu tư tại khu kinh tế không nằm trên địa bàn ưu đãi thuế.

- Một số nội dung khác về ưu đãi thuế TNDN:

+ Sửa đổi, bổ sung về thời gian bắt đầu áp dụng thuế suất ưu đãi, miễn thuế, giảm thuế đối với doanh nghiệp công nghệ cao: Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính kể từ năm được cấp Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi. Trường hợp tại năm cấp Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi mà chưa có thu nhập thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính kể từ năm đầu tiên có thu nhập, nếu trong 03 năm đầu kể từ năm được cấp Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi mà doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế thì thời gian miễn thuế, giảm thuế tính từ năm thứ 04 kể từ năm cấp Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi.

+ Nâng mức trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp lên 20% thu nhập tính thuế hàng năm; sửa đổi, bổ sung quy định về lãi suất áp dụng đối với phần trích Quỹ: Lãi suất tính lãi đối với số thuế thu hồi tính trên phần quỹ không sử dụng hết là lãi suất trái phiếu kho bạc loại kỳ hạn 05 năm hoặc kỳ hạn 10 năm (trong trường hợp không có loại kỳ hạn 05 năm) phát hành gần thời điểm thu hồi nhất và thời gian tính lãi là 02 năm. Lãi suất tính lãi đối với số thuế thu hồi tính trên phần quỹ sử dụng sai mục đích là mức tính tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế và thời gian tính lãi là khoảng thời gian kể từ khi trích lập quỹ đến khi thu hồi.

2.10. Điều khoản chuyển tiếp và Hiệu lực thi hành theo quy định tại Điều 19, Điều 20 Luật số 67/2025/QH15

- Doanh nghiệp lựa chọn hưởng ưu đãi thuế suất theo pháp luật tại thời điểm cấp phép, cấp Giấy chứng nhận đầu tư, được phép đầu tư hoặc theo quy định của pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung cho thời gian còn lại.

- Doanh nghiệp không đủ điều kiện hưởng ưu đãi theo Luật cũ nhưng đáp ứng điều kiện theo Luật 67/2025/QH15 thì được áp dụng ưu đãi theo quy định của Luật 67/2025/QH15 cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2025.

- Đối với dự án đầu tư mới:

+ Các dự án đang trong thời gian hưởng ưu đãi (hoặc thuộc diện nhưng chưa được hưởng) sẽ tiếp tục được hưởng ưu đãi cho thời gian còn lại theo quy định cũ.

+ Nếu mức ưu đãi tại Nghị định mới cao hơn, doanh nghiệp được chuyển sang áp dụng mức ưu đãi mới cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2025.

- Đối với dự án đầu tư mở rộng:

+ Các dự án mở rộng đang được hưởng ưu đãi (hoặc thuộc diện nhưng chưa được hưởng) tiếp tục được hưởng ưu đãi theo quy định cũ.

+ Ưu đãi cao hơn được áp dụng: nếu mức ưu đãi mới tại Nghị định cao hơn mức đang được hưởng thì doanh nghiệp được chuyển đổi sang áp dụng ưu đãi theo Nghị định này cho thời gian còn lại.

- Đối với các khoản thu nhập khác: Các khoản thu nhập đang được ưu đãi theo luật cũ nhưng không thuộc diện được ưu đãi theo Luật Thuế TNDN mới sẽ chấm dứt hưởng ưu đãi kể từ ngày Luật mới có hiệu lực.

II. Quy định về kê khai, quyết toán thuế TNDN:

1. Quyết toán thuế TNDN:

- Khai quyết toán thuế TNDN:

Khai quyết toán thuế TNDN bao gồm: Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm và quyết toán đến thời điểm giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, chấm dứt hợp đồng hoặc tổ chức lại doanh nghiệp.

Doanh nghiệp phải tự xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý (bao gồm cả tạm phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp cho địa bàn cấp tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh, nơi có bất động sản chuyển nhượng khác với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính) và được trừ số thuế đã tạm nộp với số phải nộp theo quyết toán thuế năm.

Doanh nghiệp thuộc diện lập báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về kế toán căn cứ vào báo cáo tài chính quý và các quy định của pháp luật về thuế để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý.

Doanh nghiệp không thuộc diện lập báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về kế toán căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh quý và các quy định của pháp luật về thuế để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý.

Trường hợp doanh nghiệp có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh có thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thì khai thuế TNDN tại cơ quan thuế nơi có hoạt động kinh doanh khác tỉnh, thành phố nơi có trụ sở chính.

- Lưu ý:

Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán năm. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 04 quý thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp quý 04 đến ngày liền kề trước ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước theo quy định khoản 3 Điều 1 Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

Doanh nghiệp lập và gửi hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN năm 2025 chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

2. Hồ sơ quyết toán thuế TNDN:

2.1. Đối với người nộp thuế áp dụng thuế TNDN theo doanh thu - chi phí

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN mẫu 03/TNDN theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021 của Bộ Tài chính.

- Các phụ lục áp dụng đối với từng trường hợp cụ thể kèm theo tờ khai quyết toán mẫu 03/TNDN: phụ lục 03-1A, 03-1B/TNDN, 03-1C/TNDN, 03-2/TNDN, 03-3A/TNDN, 03-3B/TNDN, 03-3C/TNDN, 03-3D/TNDN, 03-4/TNDN, 03-5/TNDN, 03-06/TNDN, 03-8/TNDN, 03-9/TNDN và các Phụ lục giao dịch liên kết (trong trường hợp có phát sinh giao dịch với các bên liên kết theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ).

- Báo cáo tài chính năm hoặc Báo cáo tài chính đến thời điểm chấm dứt hoạt động hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về kiểm toán.

- Thuyết minh báo cáo tài chính.

2.2. Đối với người nộp thuế áp dụng theo phương pháp tỷ lệ trên doanh thu

Tờ khai thuế TNDN mẫu 04/TNDN Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021 của Bộ Tài chính.

2.3. Các trường hợp phải kiểm toán báo cáo tài chính:

Theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/03/2012 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 90/2025/NĐ-CP ngày 14/04/2025 của Chính phủ.

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
- Tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng 2024, bao gồm cả chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.
- Tổ chức tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.
- Công ty đại chúng, tổ chức phát hành và tổ chức kinh doanh chứng khoán.
- Các doanh nghiệp, tổ chức khác bắt buộc phải kiểm toán theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Thời hạn nộp quyết toán thuế TNDN:

- Quyết toán theo năm: Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính.
- Kỳ quyết toán thuế TNDN năm 2025, theo năm dương lịch thời hạn nộp là ngày 31/03/2026.
- Đối với trường hợp chấm dứt hoạt động, chấm dứt hợp đồng, tổ chức lại doanh nghiệp: chậm nhất là ngày thứ 45 kể từ ngày xảy ra sự kiện.

4. Hình thức nộp:

- Qua hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính Cục Thuế - Bộ Tài chính: <https://dichvucong.gdt.gov.vn/tthc/homelogin>

- Thông qua các tổ chức cung cấp dịch vụ, giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế (T-VAN).

Thuế tỉnh Lai Châu thông báo đến các tổ chức, doanh nghiệp biết để thực hiện. Các phòng, các Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh căn cứ vào nội dung trên, hướng dẫn doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện, trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị người nộp thuế liên hệ cơ quan thuế quản lý để được hỗ trợ kịp thời. *hct*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Thuế tỉnh;
- Các đơn vị thuộc Thuế tỉnh;
- Đăng tải website;
- Lưu: VT, NVDTTC (NTHUONG, 14B)

Q. TRƯỞNG THUẾ TỈNH



Phạm Ngọc Nghĩa